



BẢN SAO

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT -
THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ KHATOCO**

Báo cáo tài chính

**Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày
01/01/2016 đến 31/12/2016**

CỤC THUẾ TỈNH KHÁNH HÒA	
ĐÃ NHẬN HỒ SƠ	Số: 12-04-2017 Ký nhân:



MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Khatoco công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Khatoco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí – Xây dựng Khatoco) theo Quyết định số 3413/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND Tỉnh Khánh Hòa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201582161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 18/12/2015, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2016: 5.000.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: A29 và A30 Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Diên Phú, Xã Diên Phú, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại: (84) 058. 3770274
- Fax: (84) 058. 3770277

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 115 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 7 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Lê Bá Ngọc | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 02/12/2015 |
| • Bà Phan Thị Bích Hậu | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/12/2015 |
| • Ông Nguyễn Thắng Thịnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/12/2015 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Đặng Thị Thùy Dương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 02/12/2015 |
| • Ông Nguyễn Ngọc Phong | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/12/2015 |
| • Ông Nguyễn Duy Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/12/2015 |

Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------|----------------|--------------------------|
| • Ông Lê Bá Ngọc | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02/12/2015 |
| • Bà Võ Phạm Nhã An | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/01/2016 |

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

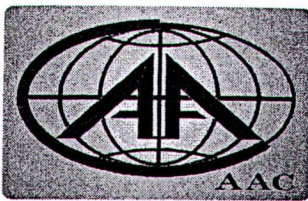
Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kiểm soát độc



Khánh Hòa, ngày 29 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.0236.3655886; Fax: 84.0236.3655887
Email: aac@dnng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 548/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Khatoco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Khatoco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29/03/2017, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

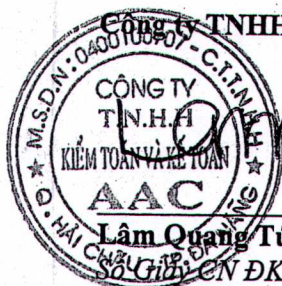
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 170/2015/BCKT-TC-AVN ngày 16/02/2016 về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Phạm Thị Tươi – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3669-2016-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.054.517.901	5.240.813.924
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.875.143.794	451.890.256
1. Tiền	111	5	1.875.143.794	451.890.256
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.336.122.970	2.540.643.038
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.505.438.401	1.141.817.696
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10.088.166.509	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	794.597.757	1.398.825.342
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(52.079.697)	-
IV. Hàng tồn kho	140		16.472.699.063	2.142.941.596
1. Hàng tồn kho	141	10	16.472.699.063	2.142.941.596
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.370.552.074	105.339.034
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11a	107.634.401	105.339.034
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.262.917.673	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.929.209.509	3.576.038.457
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.452.411.280	2.576.587.923
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	12.452.411.280	2.576.587.923
- Nguyên giá	222		17.524.342.485	6.918.067.350
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.071.931.205)	(4.341.479.427)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		158.060.466	7.203.064
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	158.060.466	7.203.064
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.318.737.763	992.247.470
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11b	1.318.737.763	992.247.470
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		46.983.727.410	8.816.852.381

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		41.114.805.480	3.898.229.996
I. Nợ ngắn hạn	310		34.114.805.480	398.229.996
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	7.329.835.437	8.250.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	5.542.449.490	124.421.550
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	95.432.354	214.411.488
4. Phải trả người lao động	314		3.136.077.962	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	16.071.805.113	16.041.667
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	17.821.982	35.105.291
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19a	1.921.383.142	-
II. Nợ dài hạn	330		7.000.000.000	3.500.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19b	7.000.000.000	3.500.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.868.921.930	4.918.622.385
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	5.868.921.930	4.918.622.385
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	5.000.000.000	5.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000	5.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	868.921.930	(81.377.615)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	868.921.930	(81.377.615)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		46.983.727.410	8.816.852.381



Khánh Hòa, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Võ Phạm Nhã An

Người lập biểu

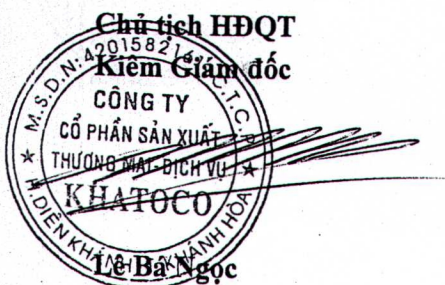
Võ Phạm Nhã An

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2016
đến 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	69.277.513.594	14.558.248.282
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	45.968.861
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		69.277.513.594	14.512.279.421
4. Giá vốn hàng bán	11	22	66.430.132.903	13.509.599.090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>2.847.380.691</u>	<u>1.002.680.331</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	36.223.090	6.198.317
7. Chi phí tài chính	22	24	724.909.602	133.978.591
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		724.909.602	133.978.591
8. Chi phí bán hàng	25	25	14.896.000	1.932.977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	1.128.140.995	954.344.695
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>1.015.657.184</u>	<u>(81.377.615)</u>
11. Thu nhập khác	31	27	70.495.229	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		<u>70.495.229</u>	<u>-</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>1.086.152.413</u>	<u>(81.377.615)</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	217.230.483	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>868.921.930</u>	<u>(81.377.615)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.738	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	1.738	-



Khánh Hòa, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Võ Phạm Nhã An

Người lập biểu

Võ Phạm Nhã An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆCho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2016
đến 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN

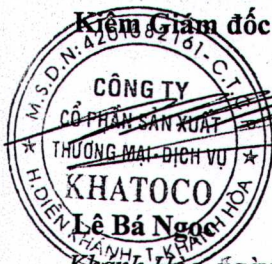
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		72.038.432.766	12.926.352.242
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(61.926.026.157)	(10.634.661.599)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.798.933.700)	(3.625.076.710)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	17;24	(544.173.491)	(154.432.733)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(149.359.201)	207.826.195
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.242.292.940	7.273.761.029
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.934.785.843)	(7.952.328.984)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.927.447.314	(1.958.560.560)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12;13	(11.006.335.601)	(75.044.182)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	27	66.971.593	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	13.787.090	6.198.317
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.925.576.918)	(68.845.865)
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	19	12.581.470.792	5.392.786.309
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(7.160.087.650)	(3.424.089.319)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.421.383.142	1.968.696.990
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.423.253.538	(58.709.435)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		451.890.256	510.599.691
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	1.875.143.794	451.890.256

Chủ tịch HĐQT

Kiểm soát độc



Lê Bá Ngọc

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Võ Phạm Nhã An

Người lập biểu

Võ Phạm Nhã An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Khatoco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí – Xây dựng Khatoco) theo Quyết định số 3413/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND Tỉnh Khánh Hòa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4201582161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 18/12/2015, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Gia công cơ khí; Xây dựng công trình dân dụng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	4 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ.

4.6 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.7 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu hợp đồng xây dựng
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành;
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động xây lắp, gia công cơ khí.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	3.836.006	49.460.225
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.871.307.788	402.430.031
Cộng	1.875.143.794	451.890.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Khuê	1.187.335.707	167.519.132
Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	792.364.500	8.818.700
Các đối tượng khác	525.738.194	965.479.864
Cộng	2.505.438.401	1.141.817.696

Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Khánh Việt	209.275.000	453.245.100
Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	792.364.500	8.818.700
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Việt Khánh	216.853.000	-
Các đối tượng khác	-	237.576.370

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng CIC	5.825.105.678	-
Công ty TNHH TM và SX Công Thành	1.643.380.000	-
Công ty TNHH Giải pháp Sản Công nghiệp	1.232.000.000	-
Các đối tượng khác	1.387.680.831	-
Cộng	10.088.166.509	-

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP CK BETA	20.000.000	-	-	-
Lê Bá Ngọc	28.856.027	-	-	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	637.884.010	-	5.000.000	-
Tạm ứng	81.407.600	-	208.445.000	-
Phải thu khác	26.450.120	-	1.185.380.342	-
Cộng	794.597.757	-	1.398.825.342	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	(52.079.697)	-
- Từ 3 năm trở lên	(44.466.000)	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	(7.613.697)	-
Cộng	(52.079.697)	-

10. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	535.232.791	-	416.619.413	-
Công cụ, dụng cụ	45.593.950	-	72.375.000	-
Chi phí SX, KD dở dang	15.891.872.322	-	1.653.947.183	-
Cộng	16.472.699.063	-	2.142.941.596	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	107.634.401	105.339.034
Cộng	107.634.401	105.339.034

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.114.894.490	690.387.871
Lợi thế thương mại	72.017.108	108.025.664
Chi phí trả trước về thuê nhà xưởng	38.984.416	109.090.903
Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị, cải tạo nhà xưởng	17.854.987	-
Chi phí thiết kế logo	58.083.336	-
Các khoản khác	16.903.426	84.743.032
Cộng	1.318.737.763	992.247.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.057.361.357	4.466.370.640	1.394.335.353	6.918.067.350
Mua sắm trong năm	-	8.932.473.164	320.000.000	9.252.473.164
Đ/tư XDCB h/thành	1.595.801.971	-	-	1.595.801.971
T/lý, nhượng bán	-	242.000.000	-	242.000.000
Số cuối năm	2.653.163.328	13.156.843.804	1.714.335.353	17.524.342.485
Khấu hao				
Số đầu năm	115.756.812	3.500.055.326	725.667.289	4.341.479.427
Khấu hao trong năm	142.447.533	640.780.578	165.286.169	948.514.280
T/lý, nhượng bán	-	218.062.502	-	218.062.502
Số cuối năm	258.204.345	3.922.773.402	890.953.458	5.071.931.205
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	941.604.545	966.315.314	668.668.064	2.576.587.923
Số cuối năm	2.394.958.983	9.234.070.402	823.381.895	12.452.411.280

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 4.244.415.916 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 969.713.033 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí xây dựng, cải tạo xưởng cơ khí 2	158.060.466	-
Chi phí xây dựng khác	-	7.203.064
Cộng	158.060.466	7.203.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH SX TM DV Công nghệ An Phú	5.121.597.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Khôi Nguyên	807.000.000	-
Các đối tượng khác	1.401.238.437	8.250.000
Cộng	7.329.835.437	8.250.000

Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty KD Đà điều cá sấu Khatoco	3.344.287	-

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
TCT Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - MTV Công ty TNHH	1.160.040.420	-
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	3.599.200.000	-
Công ty Cổ phần Đông Á	535.561.670	-
Các đối tượng khác	247.647.400	124.421.550
Cộng	5.542.449.490	124.421.550

Trong đó: Người mua trả tiền trước là bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Đông Á	535.561.670	-
Công ty thuốc lá nguyên liệu Khatoco	122.320.000	-
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	3.599.200.000	-

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	148.743.236	1.574.113.866	1.722.857.102	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	217.230.483	149.359.201	67.871.282
Thuế thu nhập cá nhân	65.668.252	59.682.639	97.789.819	27.561.072
Phí và lệ phí	-	12.430.000	12.430.000	-
Cộng	214.411.488	1.863.456.988	1.982.436.122	95.432.354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Lãi vay phải trả	196.777.778	16.041.667
Trích trước chi phí thi công các công trình xây lắp	15.875.027.335	-
Cộng	16.071.805.113	16.041.667

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	17.821.982	26.647.136
Phải trả khác	-	8.458.155
Cộng	17.821.982	35.105.291

19. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn				
- Ngân hàng Ngoại Thương - CN Khánh Hòa		3.081.470.792	1.160.087.650	1.921.383.142
- Ông Lê Bá Ngọc		6.000.000.000	6.000.000.000	-
Cộng	-	9.081.470.792	7.160.087.650	1.921.383.142

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn				
- Bà Lê Thị Thu Nga	3.500.000.000	-	-	3.500.000.000
- Ông Lê Bá Ngọc	-	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Cộng	3.500.000.000	3.500.000.000	-	7.000.000.000
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.500.000.000			7.000.000.000

Trong đó: Vay và nợ thuê tài chính với bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Ông Lê Bá Ngọc	Giám đốc	3.500.000.000	-

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Tăng trong năm	2.000.000.000	1.143.167.302	(81.377.615)	3.061.789.687
Giảm trong năm	-	1.143.167.302	-	1.143.167.302
Số dư tại 31/12/2015	5.000.000.000	-	(81.377.615)	4.918.622.385
Số dư tại 01/01/2016	5.000.000.000	-	(81.377.615)	4.918.622.385
Tăng trong năm	-	-	950.299.545	950.299.545
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	5.000.000.000	-	868.921.930	5.868.921.930

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Khánh Việt	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Đại Thành (VICC)	1.750.000.000	1.750.000.000
Vốn góp các cổ đông khác	2.250.000.000	2.250.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	500.000
- Cổ phiếu phổ thông	500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	500.000
- Cổ phiếu phổ thông	500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND	

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	(81.377.615)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	868.921.930	(81.377.615)
Lợi nhuận khác tăng trong năm	81.377.615	-
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	868.921.930	(81.377.615)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu cung cấp dịch vụ xây lắp, gia công cơ khí	69.268.991.412	14.558.248.282
Doanh thu khác (phế liệu sắt, thép)	8.522.182	-
Cộng	69.277.513.594	14.558.248.282

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Doanh thu với bên liên quan

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng Công ty Khánh Việt	196.250.000	2.602.788.091
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Việt Khánh	54.740.853.636	-
Công ty Cổ phần Dệt Tân Tiến	2.132.000	240.860.000
Công ty Cổ phần Đông Á	130.000.000	-
Công ty thuốc lá nguyên liệu Khatoco	2.810.230.000	102.903.139
Công ty KD Đà điều cá sấu Khatoco	650.000	122.516.000
Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	1.336.112.000	241.351.400
Trung tâm giống Đà điều Khatoco Ninh Hòa	78.008.000	849.875.727
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	211.588.000	1.559.064.700
TT giống Đà điều Khatoco Quảng Nam	36.300.000	12.031.818
Công viên du lịch Yang Bay	167.476.320	-
Công ty Cổ phần In Bao bì Khatoco	26.932.000	479.310.000
Cộng	59.736.531.956	6.210.700.875

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn dịch vụ xây lắp, gia công cơ khí	66.430.132.903	13.509.599.090
Cộng	66.430.132.903	13.509.599.090

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.787.090	6.198.317
Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	22.436.000	-
Cộng	36.223.090	6.198.317

24. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền vay	724.909.602	133.978.591
Cộng	724.909.602	133.978.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí bán hàng

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí bảo hành sản phẩm	14.896.000	1.932.977
Cộng	14.896.000	1.932.977

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	11.474.426	46.427.422
Tiền lương và các khoản trích theo lương	162.505.172	234.686.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.090.860	4.766.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	216.440.185	120.853.292
Các khoản khác	730.630.352	547.610.803
Cộng	1.128.140.995	954.344.695

27. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	66.971.593	-
Thu nhập khác	3.523.636	-
Cộng	70.495.229	-

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.086.152.413	(81.377.615)
Các khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế	-	-
Điều chỉnh tăng	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.086.152.413	(81.377.615)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	217.230.483	-
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	217.230.483	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	868.921.930
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-
- Điều chỉnh tăng	-
- Điều chỉnh giảm	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	868.921.930
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	500.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	1.738

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.494.642.481	6.444.903.255
Chi phí nhân công	7.222.492.662	2.851.834.129
Chi phí khấu hao tài sản cố định	948.514.280	664.442.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.077.938.054	3.197.845.754
Chi phí khác bằng tiền	3.067.507.560	316.430.778
Cộng	81.811.095.037	13.475.456.246

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xây dựng công trình và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về giá nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá nguyên vật liệu ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Thông thường, Công ty có chính sách bán hàng là sau khi ký kết hợp đồng khách hàng phải ứng trước từ 10% - 30% giá trị hợp đồng. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên theo dõi tình hình thu hồi nợ và tiến độ thu tiền nhằm giảm thiểu rủi ro do không thu hồi được. Do đó, Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng với các khách hàng hoặc đối tác của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	7.329.835.437	-	7.329.835.437
Chi phí phải trả	16.071.805.113	-	16.071.805.113
Vay và nợ thuê tài chính	1.921.383.142	7.000.000.000	8.921.383.142
Cộng	25.323.023.692	7.000.000.000	32.323.023.692

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	8.250.000	-	8.250.000
Chi phí phải trả	16.041.667	-	16.041.667
Vay và nợ thuê tài chính	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Phải trả khác	8.458.155	-	8.458.155
Cộng	32.749.822	3.500.000.000	3.532.749.822

Công ty có rủi ro thanh khoản, tuy nhiên, Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.875.143.794	-	1.875.143.794
Phải thu khách hàng	2.453.358.704	-	2.453.358.704
Phải thu khác	1.190.380.342	-	1.190.380.342
Cộng	5.518.882.840	-	5.518.882.840

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	451.890.256	-	451.890.256
Phải thu khách hàng	1.141.817.696	-	1.141.817.696
Phải thu khác	1.190.380.342	-	1.190.380.342
Cộng	2.784.088.294	-	2.784.088.294

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

a. Các bên liên quan

Tổng Công ty Khánh Việt
Công ty thuốc lá nguyên liệu Khatoco - CN TCT Khánh Việt
Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa - CN TCT Khánh Việt
Trung tâm giống Đà điều Khatoco Ninh Hòa - CN TCT Khánh Việt
Xí nghiệp May Khatoco - CN TCT Khánh Việt
Công ty KD Đà điều cá sấu Khatoco - CN TCT Khánh Việt
TT giống Đà điều Khatoco Quảng Nam - CN TCT Khánh Việt
Công viên du lịch Yang Bay - CN TCT Khánh Việt
Công ty Cổ phần Dệt Tân Tiến
Công ty TNHH Thương mại Khatoco
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Việt Khánh
Công ty Cổ phần Đồng Á
Công ty Cổ phần In Bao bì Khatoco
Ông Lê Bá Ngọc

Công ty đầu tư
Đơn vị trực thuộc TCT Khánh Việt
Đơn vị trực thuộc TCT Khánh Việt
Đơn vị trực thuộc TCT Khánh Việt
Đơn vị trực thuộc TCT Khánh Việt
Đơn vị trực thuộc TCT Khánh Việt
Đơn vị trực thuộc TCT Khánh Việt
Đơn vị trực thuộc TCT Khánh Việt
Công ty con của TCT Khánh Việt
Công ty con của TCT Khánh Việt
Công ty liên kết của TCT Khánh Việt
Công ty liên kết của TCT Khánh Việt
Công ty liên kết của TCT Khánh Việt
Giám đốc

Giao dich

Năm 2016

Năm 2015

Tổng Công ty Khánh Việt
C.ty CP Thương mại và Đầu tư Việt Khánh
Công ty thuốc lá nguyên liệu Khatoco
Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa

Dịch vụ gia công cơ khí, xây lắp	196.250.000	2.602.788.091
Dịch vụ gia công cơ khí, xây lắp	54.740.853.636	-
Dịch vụ gia công cơ khí, xây lắp	2.810.230.000	102.903.139
Dịch vụ gia công cơ khí, xây lắp	1.336.112.000	241.351.400

Ông Lê Bá Ngọc

Cho vay ngắn, dài hạn	9.500.000.000	-
-----------------------	---------------	---

Thu nhập của Ban Giám đốc

239.388.000	717.842.000
-------------	-------------

Thù lao Hội đồng Quản trị

24.000.000 -

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Kiểm Giám đốc

Người lập biểu

Võ Phạm Nhã An

Võ Phạm Nhã An

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 03 năm 2017